TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2019/HNGĐ-ST
Ngày 04 - 10 -2019
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N - TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ái Vy
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lê Văn Lưỡng;
2. Ông Nguyễn Lơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Hồng Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Đào Khánh Ly - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 10 năm 2019 tại Tòa án nhân dân thị xã N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 212/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2019 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2019/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2019, Thông báo về việc dời ngày xét xử ngày 18 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 58/2019/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2019, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà **Trương Thị Kim C** - sinh năm 1992
Địa chỉ: Thôn Q - xã T - thị xã N - Khánh Hòa.
Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn** - sinh năm 1977
Địa chỉ: Thôn 3 - xã T - thị xã N - Khánh Hòa.
Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 27/5/2019, bản tự khai ngày 18/6/2019 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trương Thị Kim C trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn M tự nguyện chung sống với nhau năm 2009 nhưng đến năm 2010 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T , thị xã N. Quá trình chung sống giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, nguyên nhân do ông M không lo làm ăn, thường xuyên nhậu nhẹt, say xỉn và không chăm sóc cho vợ con. Ông M còn nghe lời mẹ ông M chửi bới, đánh đập và dùng những lời lẽ không hay xúc phạm danh dự bà, gia đình bà. Ngoài ra, việc chi tiêu của vợ chồng bà đều do mẹ ông M quản lý dẫn đến mâu thuẫn về kinh tế. Từ đó làm cho không khí gia đình ngày càng căng thẳng, tình cảm vợ chồng ngày một xa cách. Bà đã cho ông M nhiều cơ hội để sửa đổi nhưng ông M vẫn không thay đổi tính tính. Hiện tại vợ chồng không còn chung sống với nhau từ tháng 04/2019. Bà C xác định không còn tình cảm với ông M, không thể nào

hàn gắn được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông M. Về con chung: vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Anh T - sinh ngày 01/8/2010 và Nguyễn Thị Anh R - sinh ngày 09/8/2012, bà C giao 02 con chung cho ông M trực tiếp nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ chung không có.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/7/2019 bị đơn ông Nguyễn Văn M trình bày: Thời gian, điều kiện kết hôn đúng như bà C trình bày. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2018 bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do bất đồng và kình cãi với nhau nhưng không lớn. Ông thừa nhận có uống rượu say xỉn và đánh đập bà C nhưng thời gian gần đây không đánh. Mặt khác, việc chi tiêu trong gia đình đều do mẹ ông M quản lý nhưng vợ chồng vẫn có khoản riêng để dùng. Tháng 4/2019, bà C tự ý bỏ về về nhà cha mẹ ruột sống. Nay bà C yêu cầu ly hôn ông không đồng ý vì ông vẫn còn tình cảm với vợ con. Về con chung, nếu phải ly hôn thì ông đồng ý nuôi 02 con chung là Nguyễn Thị Anh T - sinh ngày 01/8/2010 và Nguyễn Thị Anh R - sinh ngày 09/8/2012, không yêu cầu bà C cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng nguyên đơn đều thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; riêng bị đơn ông M không chấp hành theo đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Văn M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lí do nên đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông M theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Xét thấy quan hệ hôn nhân của bà C và ông M đã mâu thuẫn thật sự trầm trọng nên đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Bà C được ly hôn ông M theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Đề nghị giao 02 con chung Nguyễn Thị Anh T - sinh ngày 01/8/2010 và Nguyễn Thị Anh R - sinh ngày 09/8/2012 cho ông M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông M không yêu cầu bà C cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà C không yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Văn M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lí do. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình giữa bà Trương Thị Kim C và ông Nguyễn Văn M thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án

nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Kim C và ông Nguyễn Văn M tự nguyện chung sống với nhau năm 2009, đến năm 2010 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thị xã N *(giấy chứng nhận kết hôn số 39/2010 ngày 09/7/2010)*, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống với nhau giữa bà C và ông M đã phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp, không tìm được tiếng nói chung. Ông M xúc phạm, bạo hành với vợ làm ảnh hưởng lớn đến tình cảm dẫn đến bà C và ông M đã không còn sống chung với nhau. Mặt khác, quá trình xét xử vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông M nhưng ông không có mặt, điều đó cho thấy ông M không có thiện chí hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa, bà C vẫn cương quyết yêu cầu xin được ly hôn với ông M vì tình cảm không còn. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà C và ông M đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà C là hoàn toàn phù hợp.

[4] Về con chung: Bà C và ông M có 02 con chung là Nguyễn Thị Anh T- sinh ngày 01/8/2010, Nguyễn Thị Anh R - sinh ngày 09/8/2012. Bà C tự nguyện giao 02 con chung cho ông M trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Hiện tại cháu T và cháu R đang sống với ông M. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cũng như sự phát triển toàn diện và cuộc sống ổn định cho 02 cháu, Hội đồng xét xử xét nên giao 02 cháu T, R cho ông M tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông M không yêu cầu bà C cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết và xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về án phí: Bà C phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Xét về quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Bà Trương Thị Kim C được ly hôn ông Nguyễn Văn M.

2. Về con chung: Ông Nguyễn Văn M được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là Nguyễn Thị Anh T - sinh ngày 01/8/2010 và Nguyễn Thị Anh R - sinh ngày 09/8/2012. Ông M không yêu cầu bà C cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà C có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Bà Trương Thị Kim C nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ mà bà C đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0008595 ngày 03/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N. Bà C đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Quy định: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã N;
- Chi cục THADS thị xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đặng Thị Ái Vy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Lưỡng **Nguyễn Lơn** **Đặng Thị Ái Vy**